

Nội dung bài viết

1. [Trả lời câu hỏi SGK Bài 9 Toán lớp 6 Chân trời sáng tạo](#)
2. [Giải bài tập SGK Toán 6 Chân trời sáng tạo Bài 9](#)

Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo ngay hướng dẫn **Giải bài tập Toán 6 Bài 9: Ước và bội Chân trời sáng tạo** (chính xác nhất) được đội ngũ chuyên gia biên soạn ngắn gọn và đầy đủ, có đáp án chi tiết cho từng bài tập giúp các em học sinh ôn tập những dạng bài để học tốt được môn Toán lớp 6. Mời các em cùng tham khảo chi tiết dưới đây.

**Trả lời câu hỏi SGK Bài 9 Toán lớp 6 Chân trời sáng tạo**

**Hoạt động khởi động trang 28 Toán lớp 6 Tập 1:**

Ước và bội có họ hàng với nhau không nhỉ?

**Lời giải:**

Sau bài học này ta thấy ước và bội có quan hệ với nhau như sau:

a là ước của b thì b là bội của a.

**Hoạt động khám phá 1 trang 28 Toán lớp 6 Tập 1:**

a) Lớp 6A có 36 học sinh. Trong một tiết mục đồng diễn thể dục nhịp điệu, lớp xếp thành đội hình gồm những hàng đều nhau. Hãy hoàn thành bảng sau vào vở để tìm các cách mà lớp có thể xếp đội hình.



Cách xếp đội hình	Số hàng	Số học sinh trong một hàng
Thứ nhất	1	36
Thứ hai	2	18
...	...	...

b) Viết số 36 thành tích của hai số bằng các cách khác nhau.

**Lời giải:**

a) Nếu số hàng là 3 thì số học sinh trong một hàng là:  $36:3 = 12$  (học sinh).

Nếu số hàng là 4 thì số học sinh trong một hàng là  $36:4 = 9$  (học sinh).

Nếu số hàng là 6 thì số học sinh trong một hàng là:  $36:6 = 6$  (học sinh).

Nếu số hàng là 9 thì số học sinh trong một hàng là:  $36:9 = 4$  (học sinh).

Nếu số hàng là 12 thì số học sinh trong một hàng là:  $36:12 = 3$  (học sinh).

Nếu số hàng là 18 thì số học sinh trong một hàng là:  $36:18 = 2$  (học sinh).

Nếu số hàng là 36 thì số học sinh trong một hàng là:  $36:36 = 1$  (học sinh).

Ta có bảng sau:

**Cách xếp đội hình Số hàng Số học sinh trong một hàng**

Thứ nhất	1	36
Thứ hai	2	18
Thứ ba	3	12
Thứ tư	4	9
Thứ năm	6	6
Thứ sáu	9	4
Thứ bảy	12	3
Thứ tám	18	2
Thứ chín	36	1

b) Số 36 được viết thành tích của hai số khác nhau như sau:

$$36 = 36.1 = 18.2 = 12.3 = 9.4 = 6.6.$$

**Thực hành 1 trang 28 Toán lớp 6 Tập 1:**

1) Chọn từ thích hợp trong các từ “ước”, “bội” thay thế ? ở mỗi câu sau để có khẳng định đúng.

a) 48 là ? của 6;

b) 12 là ? của 48;

c) 48 là ? của 48;

d) 0 là ? của 48.

2) Hãy chỉ ta các ước của 6.

3) Số 24 là bội của những số nào?

**Lời giải:**

1)

a) Vì 48 chia hết cho 6 nên 48 là **bội** của 6;

b) Vì 48 chia hết cho 12 nên 12 là **ước** của 48;

c) 48 chia hết cho 48 nên 48 là **ước** của 48 (hoặc là **bội** của 48);

d) 0 chia hết cho 48 nên 0 là **bội** của 48.

2) Các ước của 6:  $U(6) = \{1; 2; 3; 6\}$ .

3) Số 24 là bội của các số 1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24.

**Hoạt động khám phá 2 trang 29 Toán lớp 6 Tập 1:**

Số 18 có thể chia hết cho những số nào?

**Lời giải:**

Số 18 có thể chia hết cho 1; 2; 3; 6; 9; 18.

**Thực hành 2 trang 29 Toán lớp 6 Tập 1:**

Hãy tìm các tập hợp sau:

a)  $U(17)$ ;

b)  $U(20)$ .

**Lời giải:**

a) Ta thấy trong các số tự nhiên từ 1 đến 17 thì số 17 chia hết cho 1; 17

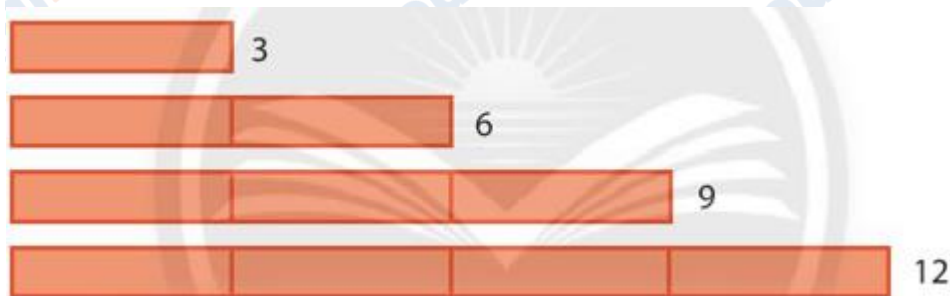
Khi đó,  $U(17) = \{1; 17\}$ .

b) Ta thấy trong các số tự nhiên từ 1 đến 20 thì số 20 chia hết cho 1; 2; 4; 5; 10; 20.

Khi đó  $U(20) = \{1; 2; 4; 5; 10; 20\}$ .

**Hoạt động khám phá 3 trang 29 Toán lớp 6 Tập 1:**

a) Chuẩn bị một số mảnh giấy nhỏ có chiều dài 3 cm. Ghép các mảnh giấy nhỏ đó thành các băng giấy như minh họa dưới đây:



Độ dài băng giấy đầu tiên là:  $3.1 = 3$  (cm);

Độ dài băng giấy thứ hai là:  $3.2 = 6$  (cm);

Tiếp tục cách đó, ta có thể tính độ dài các băng giấy thứ ba, thứ tư lần lượt là:

$3.3 = 9$  (cm);       $3.4 = 12$  (cm);

...

- Hãy tính độ dài của hai băng giấy tiếp theo.

- Nêu nhận xét về mối liên hệ giữa số đo độ dài (cm) của các băng giấy nói trên với 3.

b) Làm thế nào để tìm được các bội của 3 một cách nhanh chóng?

**Lời giải:**

a)

- Độ dài của miếng băng giấy thứ năm là:  $3.5 = 15$  (cm).

- Độ dài của miếng băng thứ sáu là:  $3.6 = 18$  (cm).

- Ta thấy các số đo độ dài của các băng giấy trên đều chia hết cho 3 nên nó là các bội của 3.

b) Muốn tìm bội của 3 một cách nhanh chóng, ta nhân 3 lần lượt với 0, 1, 2, 3,...

**Thực hành 3 trang 30 Toán lớp 6 Tập 1:**

Hãy tìm các tập hợp sau:

a) B(4);      b) B(7).

**Lời giải:**

a) Lấy 4 lần lượt nhân với các số 0; 1; 2; 3; 4; 5; ... ta được: 0; 4; 8; 12; 16; 20; ...

Khi đó  $B(4) = \{0; 4; 8; 12; 16; 20; \dots\}$ .

b) Lấy 7 nhân lần lượt với các số 0; 1; 2; 3; 4; 5; ... ta được: 0; 7; 14; 21; 28; 35; ...

Khi đó  $B(7) = \{0; 7; 14; 21; 28; 35; \dots\}$ .

**Giải bài tập SGK Toán 6 Chân trời sáng tạo Bài 9**

**Bài 1 trang 30 Toán lớp 6 Tập 1:**

Chọn kí hiệu  $\in$  hoặc  $\notin$  thay cho ? trong mỗi câu sau để được các kết luận đúng.

a)  $6 ? U(48)$ ;      b)  $12 ? U(30)$ ;      c)  $7 ? U(42)$ ;

d)  $18 \notin B(4)$ ;      e)  $28 \in B(7)$ ;      f)  $36 \in B(12)$ .

**Lời giải:**

a) 48 chia hết cho 6 nên 48 là bội của 6 hay 6 là ước của 48, ta viết  $6 \in U(48)$ ;

b) 30 không chia hết cho 12 nên 30 không là bội của 12 hay 12 không là ước của 30, ta viết  $12 \notin U(30)$ ;

c) 42 chia hết cho 7 nên 42 là bội của 7 hay 7 là ước của 42, ta viết  $7 \in U(42)$ ;

d) 18 không chia hết cho 4 nên 18 không phải là bội của 4, ta viết  $18 \notin B(4)$ ;

e) 28 chia hết cho 7 nên 28 là bội của 7, ta viết  $28 \in B(7)$ ;

f) 36 chia hết cho 12 nên 36 là bội của 12, ta viết  $36 \in B(12)$ .

**Bài 2 trang 30 Toán lớp 6 Tập 1:**

a) Tìm tập hợp các ước của 30.

b) Tìm tập hợp các bội của 6 nhỏ hơn 50.

c) Tìm tập hợp C các số tự nhiên x sao cho x vừa là bội của 18, vừa là ước của 72.

**Lời giải:**

a) Để tìm ước của 30 ta chia 30 lần lượt với các số tự nhiên từ 1 đến 30.

Ta thấy 30 chia hết cho 1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30.

Vậy tập hợp các ước của 30 là:  $U(30) = \{1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30\}$ .

b) Để tìm các bội của 6 ta nhân 6 lần lượt với các số tự nhiên 0; 1; 2; 3; 4; ...

Khi đó tập hợp các bội của 6 là:  $B(6) = \{0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48; 54; 60; \dots\}$ .

Tập hợp các bội của 6 nhỏ hơn 50 là:  $\{0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48\}$ .

c)

Ta lấy 18 nhân lần lượt các số tự nhiên 0; 1; 2; 3; 4; 5; ...

Ta được:  $B(18) = \{0; 18; 36; 54; 72; 81; 90; \dots\}$

Ta lấy 72 chia cho tất cả các số tự nhiên khác 0 từ 1 đến 72, ta được:

$U(72) = \{1; 2; 3; 4; 6; 8; 9; 12; 18; 24; 36; 72\}$

Vì  $x$  là số vừa là bội của 18 vừa là ước của 72 nên  $x \in \{18; 36; 72\}$ ;

### Bài 3 trang 30 Toán lớp 6 Tập 1:

Viết mỗi tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử.

a)  $A = \{x \in U(40) \mid x > 6\}$ ;

b)  $B = \{x \in B(12) \mid 24 \leq x \leq 60\}$ .

#### Lời giải:

a) Ta lấy 40 chia cho tất cả các số tự nhiên từ 1 đến 40 ta được:

$U(40) = \{1; 2; 4; 5; 8; 10; 20; 40\}$ .

Vì  $x \in U(40)$  và  $x > 6$  nên  $x \in \{8; 10; 20; 40\}$ .

Vậy  $A = \{8; 10; 20; 40\}$ .

b) Ta lấy 12 nhân lần lượt với 0; 1; 2; 3; 4; 5; ... ta được:

$B(12) = \{0; 12; 24; 36; 48; 60; 72; \dots\}$

Vì  $x \in B(12)$  và  $24 \leq x \leq 60$  nên  $x \in \{24; 36; 48; 60\}$ .

Vậy  $B = \{24; 36; 48; 60\}$ .

### Bài 4 trang 30 Toán lớp 6 Tập 1:

Trò chơi “Đua viết số cuối cùng” Bình và Minh chơi trò chơi “đua viết số cuối cùng”. Hai bạn thi viết các số theo luật như sau: Người chơi thứ nhất sẽ viết một số tự nhiên không lớn hơn 3. Sau đó đến lượt người thứ hai viết rồi quay lại người thứ nhất và cứ thế tiếp tục, ... sao cho kể từ sau số viết đầu tiên, mỗi bạn viết một số lớn hơn số bạn mình vừa viết nhưng không lớn hơn quá 3 đơn vị. Ai viết được số 20 trước thì người đó thắng. Sau một số lần chơi, Minh thấy Bình luôn thắng. Minh

thắc mắc: “Sao lúc nào cậu cũng thắng tớ thế?”. Bình cười: “Không phải lúc nào tớ cũng thắng được cậu đâu”.

a) Bình đã chơi như thế nào để thắng được Minh? Minh có thể thắng được Bình khi nào?

b) Hãy chơi cùng bạn trò chơi trên. Em hãy đề xuất một luật chơi mới cho trò chơi trên rồi chơi cùng các bạn.

### Lời giải:

Để viết được số 20 trước thì người thắng cuộc phải viết được số 16, vì dù người chơi tiếp theo có viết 17 hay 18 (không lớn hơn quá 3 đơn vị), người muốn thắng cuộc vẫn viết được số 20. Tương tự để viết được số 16, người muốn thắng cuộc phải viết được số 12. Cứ như thế người muốn thắng cuộc phải viết được số 8, số 4, số 0.

Vậy ai biết được thì cần phải viết được dãy số 0; 4; 8; 12; 16; 20 (gồm các số là bội của 4) thì người đó sẽ thắng.

Có thể Bình đã biết được bí quyết này nên luôn thắng được Minh.

Minh có thể thắng được Bình khi Minh nắm được bí quyết trên và có cơ hội viết được một trong các số 0; 4; 8; 12; 16; 20 trước Bình.

►► **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về **Giải bài tập Toán lớp 6 Bài 9: Ước và bội Chân trời sáng tạo** (đầy đủ nhất) file PDF hoàn toàn miễn phí. Hy vọng với bộ tài liệu này thì các em học sinh sẽ học tốt môn Toán lớp 6 nhé!